

Bản án số: 27/2025/HS-PT

Ngày: 26 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản

Ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 100/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị Khánh T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 201/2024/HSST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Khánh T, sinh ngày 02/9/1993. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Lê Văn T1; Con bà: Đỗ Thị T2; chồng: Dương Văn H (đã ly hôn); bị cáo có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc A – Luật sư Công ty L Nguyễn Ngọc A và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (có mặt)

Bị hại: Chị Chu Thị Hoàng G, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Lưu Việt H1, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ H, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 11/9/2023, anh Nguyễn Văn T3 (sinh năm 1973, HKTT: Tổ E, phường T, thành phố T), anh Lưu Việt H1 (sinh năm 1971, HKTT: tổ H, phường G, thành phố T) và Lê Thị Khánh T có mặt tại văn phòng đại diện của thương hiệu “P” ở tổ B, phường T, thành phố T để họp về vấn đề chè của thương hiệu không đảm bảo chất lượng. Anh T3 và T xảy ra to tiếng cãi nhau thì anh T3 bỏ ra ngoài. Khoảng 10 phút sau anh T3 quay lại văn phòng cùng vợ là chị Chu Thị Hoàng G (sinh năm 1984, HKTT: tổ E, phường T, thành phố T). Tại đây, chị G và T xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, chị G đuổi T ra khỏi văn phòng nhưng T không về, chị G chỉ tay vào mặt T rồi dùng tay phải tát 01 phát trúng vào mặt T. Bị đánh nên T cầm 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuôi cầm bằng nhựa màu xanh, dài 19cm đâm 03 đến 04 phát về phía chị G trúng vào vai trái, vùng ngực trước xương ức, vú phải của chị G. Chị G và T tiếp tục giằng co du đẩy nhau thì anh T3 và anh H1 đến can ngăn đẩy hai người ra. Anh T3 giữ hai cổ tay của T, anh H1 cầm vào mũi kéo mục đích giằng lấy chiếc kéo T đang cầm ở tay, chị G cũng vào giằng chiếc kéo cùng với anh H1. Trong lúc giằng co lấy kéo thì T và anh H1 bị chiếc kéo cắt vào tay. Sau đó chị G lấy được kéo và đưa cho anh H1 cất đi. Anh H1 đẩy chị G ra ngoài nhưng chị G vẫn tiếp tục cầm túi xách và cây thuốc lá ném về phía T nhưng không trúng. Anh T3 thả tay T ra rồi đẩy chị G ra ngoài cửa nhưng chị G vẫn tiếp tục chửi. Lúc này T cầm bình đun nước ném về phía chị G nhưng không trúng. Sau đó sự việc kết thúc. Chị G được đưa đi điều trị tại Bệnh viện T4 đến ngày 19/9/2023 thì ra viện. T đến điều trị tại Bệnh viện T4 đến ngày 18/9/2023 thì ra viện. Ngày 12/9/2023, T có đơn trình báo và đề nghị giám định thương tích gửi đến cơ quan điều tra. Đến ngày 14/9/2023, chị G đã trình báo sự việc đến cơ quan điều tra và có đơn đề nghị để giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

* Hậu quả: Tại biên bản xác minh thương tích đối với Lê Thị Khánh T tại Khoa ngoại Bệnh viện T4, xác định: Bệnh nhân vào viện lúc 14 giờ 30 phút ngày 11/9/2023, Đau đầu vùng trên đỉnh và hàm mặt trái, hoa mắt, chóng mặt; Vùng hàm mặt trái sưng nề nhẹ, sưng nề quanh hố mắt trái, tụ máu kết mạc mắt trái, đồng tử 2 bên đều; mặt lòng bàn tay phải có vết thương kích thước 2 x 0,3 x 0,5cm, mép sắc nhọn, không lộ gân cơ đứt.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 808 ngày 25/9/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y, đối với thương tích của Lê Thị Khánh T; kết luận: Hiện tại có 01 sẹo vết thương phần mềm KT nhỏ, xác định tỷ lệ phần

trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị Khánh T thời điểm giám định là 1%. Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động của vật sắc nhọn.

- Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể đối với thương tích của chị Chu Thị Hoàng G hồi 14 giờ 45 ngày 11/9/2023 tại Trạm y tế phường T, xác định: Vùng cổ gần bả vai trái có 01 vết xước nông dài 6cm; vùng ngực trên ức có 02 vết xước nhỏ, mỗi vết khoảng 2cm, có rớm máu; bầu ngực phải cách núm khoảng 2cm có vết xước nông rớm máu dài 2cm; mặt trước giữa đùi phải có vết bầm tím dài 3cm, rộng 1cm; cổ tay phải có vết chà sát đỏ.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 829 ngày 29/9/2023 của Trung tâm pháp y sở Y, đối với thương tích của chị Chu Thị Hoàng G kết luận: Hiện tại có 04 sẹo vết thương phần mềm KT nhỏ, sẹo ngực trái tỷ lệ 1%; sẹo vú phải tỷ lệ 1%; sẹo vai trái tỷ lệ 1%; sẹo đùi phải tỷ lệ 1%; xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Chu Thị Hoàng G thời điểm giám định là 4%. Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động của vật sắc nhọn.

Tại cơ quan điều tra, Lê Thị Khánh T khai: Ngày 11/9/2023, sau khi G đến văn phòng thì đập bàn, chỉ tay vào mặt chửi bới xúc phạm T, T nói “Chị ngồi xuống” thì G dùng tay phải đâm vào mắt trái của T, bị đánh thì T cầm 01 vật ở trên mặt bàn (sau T mới biết là kéo dùng để cắt túi chè) khua về phía trước để tự vệ lúc đó G đang đứng trước mặt T. G giữ tay đẩy T ngã ra đất. Rồi G giật đồ vật T cầm trên tay và đâm vào lòng bàn tay T. T vùng dậy thì bị T3 và G giữ tay và đánh vào mặt của T. T đập về hướng của G, G dùng chân đạp vào người T. T3 giữ tay đẩy T về phía tủ trà gần nhà vệ sinh. G dùng tay vơ vật gì đó để đánh T (T không rõ). Sau đó G hắt nước vào mặt T, cầm túi xách ném vào người T, cầm vật gì T không rõ đập vào đầu T và ném 01 cây thuốc lá vào mặt T. Tuyên đẩy T ra khu vực tủ trà gần nhà vệ sinh rồi T3 giữ tay cho G đánh T. Thấy tay T chảy máu nên T3 hắt tay ra và bảo G đi về. Sau đó G đi ra ngoài cửa và liên tục chửi bới đe dọa. T cũng chửi lại G bảo G cút đi và cầm ấm đun nước siêu tốc ném ra cửa về phía G. G tiếp tục chửi và dọa đánh T. Sau đó anh H1 gọi người đến đưa T cấp cứu điều trị tại Bệnh viện T4. T không biết G bị thương tích như thế nào.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản xác minh thương tích, bệnh án ngoại khoa, kết luận giám định thương tích, biên bản kiểm tra dữ liệu điện tử, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng Lưu Việt H1 và Nguyễn Văn T3, đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 11/9/2023, tại tổ B, phường T, thành phố T, Lê Thị Khánh T và chị Chu Thị Hoàng G đã xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, sau đó chị G dùng tay phải tát 01 phát vào mặt T, bị đánh nên T có hành vi cầm 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuôi cầm bằng nhựa màu xanh, dài 19cm đâm 03 đến 04 nhát trúng vào vùng ngực trái, vú phải, vai trái gây nên tỷ lệ tổn thương cơ thể cho chị Chu Thị Hoàng G là 03%.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Thị Khánh T đề nghị được bồi thường cho chị Chu Thị Hoàng G1 số tiền 50.000.000 đồng nhưng chị G1 không đồng ý và đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 201/2024/HS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Lê Thị Khánh T về tội: “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm e, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Khánh T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Khánh T có trách nhiệm bồi thường cho chị Chu Thị Hoàng G số tiền là 10.299.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 07/8/2024, bị cáo Lê Thị Khánh T có đơn kháng cáo kêu oan, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Ngày 18/3/2025 Lê Thị Khánh T có đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo. Bị cáo xác định mình là người gây thương tích cho chị G, bị cáo xin được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận mình đã có hành vi dùng chiếc kéo bằng kim loại có đầu nhọn gây thương tích cho chị G, gây tổn hại cho chị G 3% sức khỏe, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm và xin được cải tạo tại địa phương.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, trước phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nộp số tiền bồi thường và tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Khánh T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại tranh luận: Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm sau khi đối đáp với ý kiến của bị hại.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định và đúng theo thủ tục quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội, cho rằng bị cáo bị đánh bất ngờ nên chỉ cầm kéo để tự vệ, không cố ý gây thương tích cho chị G. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có căn cứ xác định: Do có mâu thuẫn trong việc làm ăn, Vào khoảng 12 giờ 40 phút ngày 11/9/2023, tại tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, do xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau nên chị G đã sử dụng tay phải tát một cái vào mặt Lê Thị Khánh T nên T đã có hành vi cầm 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuôi cầm bằng nhựa màu xanh, dài 19cm đâm 03 đến 04 nhát trúng vào vùng ngực trái, vú phải, vai trái gây nên tỷ lệ tổn thương cơ thể cho chị Chu Thị Hoàng G là 03%.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã nộp số tiền bồi thường và tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Khánh T; sửa bản án sơ thẩm số 201/2024/HSST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, e, s, i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Khánh T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Cố ý gây thương tích”.

Giao bị cáo Lê Thị Khánh T cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 11.013.950 đồng là số tiền bồi thường; tiền án phí sơ thẩm (theo biên lai thu tiền số 0000882, ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thị Khánh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 201/2024/HSST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp T. Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Minh Tuân